



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**TỔNG CÔNG TY
THỦY SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY
THỦY SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	15 - 49
8. Phụ lục	50 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 17 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08 38 291 924
- Fax : 08 38 290 146

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần - Seaproduct Lâm Đồng	Thôn Kơ Nết, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
Chi nhánh Seaproduct Hải Phòng – Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần	Ngõ 173 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia, mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở)
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu thầu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dạy nghề;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Vũ Văn Tiền	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016
Ông Phan Văn Anh Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phan Thúy Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Vũ Cao Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Tấn Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Như Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2016
Ông Thái Bá Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Tấn Tâm – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

49816-C.T
IG TY
EM HUU HAN
VA TU VAN
& C
PHO CHINH

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *Rpl*



Trần Tân Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0489/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2017, từ trang 08 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		477.688.097.547	722.882.531.254
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.578.375.079	248.273.167.947
1. Tiền	111		57.331.606.326	28.195.963.093
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.246.768.753	220.077.204.854
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.585.705.619	127.509.168.380
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	11.957.748.143	11.957.748.143
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(7.371.101.600)	(7.545.377.433)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	45.999.059.076	123.096.797.670
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.622.303.039	179.160.711.103
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	115.218.547.457	154.326.235.528
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.881.724.867	6.706.619.310
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.229.985.440	17.107.607.008
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(18.805.128.826)	(12.076.924.844)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	13.097.174.101	13.097.174.101
IV. Hàng tồn kho	140		205.548.458.301	152.659.054.602
1. Hàng tồn kho	141	V.8	213.652.193.115	169.092.210.756
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(8.103.734.814)	(16.433.156.154)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.353.255.509	15.280.429.222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	823.317.812	254.764.259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.508.457.386	5.468.553.068
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	21.480.311	9.557.111.895
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.971.023.008.787	1.145.541.996.986
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.063.262.463	1.038.753.600
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.063.262.463	1.038.753.600
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		120.731.743.205	125.982.234.938
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	91.016.758.788	96.796.198.605
- Nguyên giá	222		313.584.124.937	318.764.137.570
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.567.366.149)	(221.967.938.965)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	29.714.984.417	29.186.036.333
- Nguyên giá	228		34.016.493.125	32.408.515.512
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.301.508.708)	(3.222.479.179)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		562.536.567.608	1.603.403.921
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	562.536.567.608	1.603.403.921
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.278.330.611.206	1.007.438.520.953
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	1.143.543.287.682	877.524.626.345
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	138.356.750.401	138.356.750.401
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2e	(6.468.946.877)	(11.162.855.793)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	2.899.520.000	2.720.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.360.824.305	9.479.083.574
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.641.850.511	2.044.587.401
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	6.718.973.794	7.434.496.173
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.448.711.106.334	1.868.424.528.240

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		571.927.264.068	284.798.152.896
I. Nợ ngắn hạn	310		556.026.835.068	276.697.749.896
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	23.466.372.890	20.109.560.975
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	22.176.093.233	12.784.379.903
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	18.379.800.099	15.415.045.412
4. Phải trả người lao động	314	V.17	15.481.880.745	21.239.612.475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	36.113.458.862	29.801.507.415
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	863.826.152	827.168.668
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	10.452.188.634	77.911.527.330
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	426.556.715.000	97.532.165.687
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	2.536.499.453	1.076.782.031
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15.900.429.000	8.100.403.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	15.900.429.000	8.100.403.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

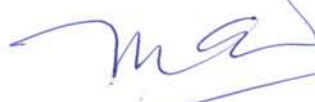
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.876.783.842.266	1.583.626.375.344
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.876.783.842.266	1.583.626.375.344
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.23	195.308.236	195.308.236
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23	(95.950.000)	(50.500.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.23	(4.915.463.760)	(4.915.463.760)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	13.022.505.423	11.259.910.872
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	512.190.396.753	218.900.357.956
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		210.144.297.366	218.900.357.956
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		302.046.099.387	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	106.387.045.614	108.236.762.040
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.448.711.106.334	1.868.424.528.240

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017



Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.512.979.974.150	1.422.867.236.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	138.089.673	2.333.681.850
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.512.841.884.477	1.420.533.555.045
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.394.846.255.632	1.296.529.375.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		117.995.628.845	124.004.179.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	23.907.979.569	29.087.431.065
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	15.807.334.486	27.029.904.365
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.997.762.168	6.996.379.467
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	309.529.802.154	55.980.586.985
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	42.932.318.544	38.891.976.946
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	69.728.777.204	70.792.720.981
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		322.964.980.334	72.357.595.584
12. Thu nhập khác	31	VI.8	4.149.262.513	3.216.748.492
13. Chi phí khác	32	VI.9	14.204.262.703	673.201.166
14. Lợi nhuận khác	40		(10.055.000.190)	2.543.547.326
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		312.909.980.144	74.901.142.910
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4.039.028.267	1.946.066.613
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		715.522.379	(31.813.751)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>308.155.429.498</u>	<u>72.986.890.048</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>302.046.099.387</u>	<u>62.778.811.778</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>6.109.330.111</u>	<u>10.208.078.270</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2.400</u>	<u>477</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>2.400</u>	<u>477</u>



Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu




Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		312.909.980.144	74.901.142.910
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11	13.631.560.796	18.293.770.045
- Các khoản dự phòng	03	V.2; V.6; V.8	(6.469.402.107)	5.111.676.707
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	817.760.747	366.557.530
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(330.041.620.824)	(69.419.537.466)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	17.997.762.168	6.996.379.467
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(9.370.922.663)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.846.040.924	26.879.066.530
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		40.546.711.598	(24.287.103.571)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(44.559.982.359)	53.663.642.893
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(832.164.913)	(2.408.361.988)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(297.368.613)	5.886.583.385
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; VI.5	(9.259.288.409)	(6.918.089.302)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(2.674.166.111)	(1.866.200.108)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		455.144.034	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22 V.23; VII	(63.298.595.505)	(129.022.540.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(71.073.669.354)	(78.073.003.078)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11; V.12	(570.313.806.628)	(4.395.662.429)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	1.746.216.909	191.763.963
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(72.198.045.109)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		149.715.322.779	4.946.680.060
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	22.801.394.741
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	62.007.106.972	26.527.665.975
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(429.043.205.077)	50.071.842.310

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.23	(45.450.000)	(50.500.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	1.295.588.722.834	470.058.136.344
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(967.449.416.521)	(590.883.699.609)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20; V.23	(6.701.520.100)	(8.822.381.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>321.392.336.213</i></u>	<u><i>(129.698.445.065)</i></u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(178.724.538.218)</i>	<i>(157.699.605.833)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>248.273.167.947</i>	<i>406.016.681.310</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>29.745.350</i>	<i>(43.907.530)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u><i>69.578.375.079</i></u>	<u><i>248.273.167.947</i></u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017


 Vu Thị Hồng Gám
 Người lập biểu


 Bùi Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng


 Trần Tấn Tâm
 Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cung ứng lao động tạm thời; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Nuôi trồng thủy sản (cá tầm thương phẩm) tiêu thụ nội địa; Dịch vụ, thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Lãi hoạt động kinh doanh năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là từ Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội,	Chế biến thực phẩm	59,34%	59,34%	59,34%	59,34%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.	Chế biến thực phẩm	50,78%	50,78%	50,78%	50,78%
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy	62,37%	62,37%	62,37%	62,37%



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Thiết kế, đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh máy móc thiết bị	46,36%	46,36%	46,36%	46,36%
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy	26,01%	26,01%	26,01%	26,01%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	Nuôi trồng thủy sản	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, phường 14, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.	Chế biến thủy sản	23,70%	24,90%	23,70%	24,90%
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	Chế biến thủy sản	27,75%	27,75%	27,75%	27,75%
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, phường 09, quận 08, TP. Hồ Chí Minh.	Chế biến thủy sản	26,90%	26,90%	26,90%	26,90%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	Chế biến thủy sản	36,40%	43,68%	36,40%	43,68%
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn gia súc	22,08%	22,08%	22,08%	22,08%

6d. Công ty liên doanh không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga, địa chỉ trụ sở chính tại đường Trần Nỗ, phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh với tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết là 50% đã hết thời hạn Hợp đồng liên doanh và Giấy phép đầu tư từ năm 2006 nên không đưa vào hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước không so sánh được với số liệu của năm nay do số năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số phát sinh từ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là giai đoạn chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê kho, thuê mặt hồ, chi phí sửa chữa và lợi thế thương mại. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê nhà kho, mặt hồ

Tiền thuê nhà kho, mặt hồ trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (40-50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 02- 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tập đoàn. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính. Giá trị tài sản được xác định lại do cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định. Tập đoàn tiến hành đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Chênh lệch đánh giá lại tài sản này không phản ánh số chênh lệch đánh giá lại khi đưa tài sản đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác hoặc thay đổi hình thức sở hữu.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	669.765.099	717.092.924
Tiền gửi ngân hàng	56.661.841.227	27.478.870.169
Các khoản tương đương tiền (*)	12.246.768.753	220.077.204.854
Cộng	69.578.375.079	248.273.167.947

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng. Tại ngày kết thúc năm tài chính khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 1.787.309.553 VND (số đầu năm là 0 VND) bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Cổ phiếu</i>						
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (*)	9.700.360.000	2.329.258.400	(7.371.101.600)	9.700.360.000	2.154.982.567	(7.545.377.433)
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam	2.257.388.143	2.779.029.000	-	2.257.388.143	3.458.347.200	-
Cộng	11.957.748.143	5.108.287.400	(7.371.101.600)	11.957.748.143	5.613.329.767	(7.545.377.433)

(*) Trong năm tăng thêm 78.157 cổ phiếu (tại 01 tháng 01 năm 2016 sở hữu 509.051 cổ phiếu, tại 31 tháng 12 năm 2016 sở hữu 587.208 cổ phiếu) do được chia cổ tức bằng cổ phiếu.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.545.377.433	7.979.843.800
Hoàn nhập dự phòng	(174.275.833)	(434.466.367)
Số cuối năm	7.371.101.600	7.545.377.433

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	45.999.059.076	45.999.059.076	123.096.797.670	123.096.797.670
<i>Dài hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	2.899.520.000	2.899.520.000	2.720.000.000	2.720.000.000
Cộng	48.898.579.076	48.898.579.076	125.816.797.670	125.816.797.670

Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay các ngân hàng (số đầu năm là 28.562.983.333 VND).

Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản tiền gửi này bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết-thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	-	4.994.824.935	4.994.824.935	-	4.994.824.935
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	1.300.500.000	1.644.485.988	2.944.985.988	1.300.500.000	1.784.663.040	3.085.163.040
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	6.930.000.000	2.997.251.787	9.927.251.787	6.930.000.000	3.175.747.739	10.105.747.739
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	19.470.000.000	(19.470.000.000)	-	19.470.000.000	(19.470.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	13.873.600.000	17.584.382.077	31.457.982.077	13.873.600.000	19.665.057.669	33.538.657.669
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	6.400.000.000	670.597.772	7.070.597.772	6.400.000.000	890.861.090	7.290.861.090
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	43.470.000.000	29.065.930.584	72.535.930.584	43.470.000.000	31.492.293.497	74.962.293.497
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	43.675.380.000	6.717.323.510	50.392.703.510	43.675.380.000	9.477.005.167	53.152.385.167
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	546.897.499.662	417.321.511.367	964.219.011.029	546.897.499.662	143.497.193.546	690.394.693.208
Cộng	687.011.804.597	456.531.483.085	1.143.543.287.682	687.011.804.597	190.512.821.748	877.524.626.345

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga tạm thời ngưng hoạt động. Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502276504, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 31 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐHT-TSVN-NK ngày 05 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May 15.000.000.000 VND tương đương 25% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May.

Tuy nhiên, Tập đoàn chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tập đoàn quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.162.855.793	-
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(4.693.908.916)	11.162.855.793
Số cuối năm	<u>6.468.946.877</u>	<u>11.162.855.793</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Tuấn Võ	-	62.394.262.831
Công ty TNHH Thương mại Hà Đô	8.069.965.888	45.283.743.391
Công ty Cổ phần Thép Vạn Thành	24.716.316.875	-
Binca Seafoods	11.254.018.183	7.672.517.950
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu NAMWIN	8.993.051.871	-
Các khách hàng khác	62.185.194.640	38.975.711.356
Cộng	<u>115.218.547.457</u>	<u>154.326.235.528</u>

Một số công nợ phải thu có tổng giá trị ghi sổ là 47.559.596.518 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty TNHH Thương mại Hải Hoà Phát	-	610.830.342
Công ty Cổ phần Seatecco	6.352.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	3.387.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Quỳnh	-	1.118.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.141.724.867	4.977.788.968
Cộng	<u>14.881.724.867</u>	<u>6.706.619.310</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.743.632.741	1.743.632.741	2.736.632.741	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản - Phải thu tiền cho vay và cổ tức	1.743.632.741	1.743.632.741	2.043.632.741	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	693.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	17.486.352.699	2.350.175.868	14.370.974.267	70.000.000
Tiền lãi dự thu	494.694.563	-	3.067.747.756	-
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát - Phải thu tiền lãi	1.521.188.795	1.521.188.795	1.521.188.795	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công trình Việt Nam - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	510.720.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng - Phải thu khoản tiền thanh lý khi kết thúc hợp đồng hợp tác liên doanh	525.747.790	368.023.453	525.747.790	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	257.431.686	-	289.081.321	-
Tạm ứng	856.045.000	-	634.860.865	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	11.787.065.860	-	4.774.128.700	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.044.179.005	460.963.620	3.047.499.040	70.000.000
Cộng	19.229.985.440	4.093.808.609	17.107.607.008	70.000.000

(*) Trong đó : Khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 11.357.398.444 VND được thế chấp đảm bảo cho ngân hàng để phát hành thư bảo lãnh thực hiện các hợp đồng Công ty ký kết.

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Bình Minh						
Phải thu tiền bán hàng	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	150.000.000	75.000.000	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	240.000.000	168.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng						
Phải thu khác	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	525.747.790	157.724.337	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	525.747.790	262.873.895
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản						
Phải thu khác	Trên 03 năm	1.743.632.741	-	Trên 03 năm	2.043.632.741	2.043.632.741

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát				
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	1.739.455.300	- Trên 03 năm	2.732.870.941
Phải thu khác	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.521.188.795	- Từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.521.188.795
Công ty TNHH Công nghiệp Thương mại Thái Sơn				
Phải thu tiền hàng gửi kho bị mất	Trên 03 năm	13.097.174.101	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	13.097.174.101
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		2.603.093.372		3.110.633.442
Cộng		21.380.292.099		23.271.247.810
		2.099.983.500		265.789.594
		2.575.163.273		11.194.322.966

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.076.924.844	32.321.563.928
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(20.716.380.970)
Trích lập dự phòng bổ sung	6.728.203.982	471.741.886
Số cuối năm	18.805.128.826	12.076.924.844

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Giá trị lô thép bị chiếm dụng. Lô hàng này được mua năm 2008 và gửi tại kho của Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến theo hợp đồng gửi kho hàng hóa số 1806/HĐGG ngày 18 tháng 6 năm 2008. Tập đoàn mua lô hàng này để bán cho Công ty TNHH Công nghiệp Thương mại Thái Sơn theo Hợp đồng mua bán số 16/SEA-TH/2008 ngày 16 tháng 6 năm 2008, tuy nhiên lô hàng này đã bị chiếm dụng trước khi chuyển giao hàng hóa và quyền sở hữu. Hiện tại sự việc liên quan đến lô hàng này đang được cơ quan công an điều tra làm rõ và đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn chưa có kết luận cuối cùng. Tập đoàn đã trích lập được một phần dự phòng tổn thất cho lô thép này. (Xem thuyết minh số V.6).

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	11.156.185.242	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	6.673.851.836	(83.261.714)	4.400.196.811	(91.435.818)
Công cụ, dụng cụ	2.784.495.574	(130.000)	2.640.036.946	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.470.302.197	-	18.103.670.961	-
Thành phẩm	92.601.252.810	(2.293.167.095)	97.288.604.896	(10.462.524.723)
Hàng hóa	65.958.111.406	(5.727.176.005)	45.427.020.821	(5.879.195.613)
Hàng gửi đi bán	7.994.050	-	1.232.680.321	-
Cộng	213.652.193.115	(8.103.734.814)	169.092.210.756	(16.433.156.154)

Một số hàng tồn kho đã được đảm bảo thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết-thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.433.156.154	22.521.610.759
Hoàn nhập dự phòng	(8.329.421.340)	(6.088.454.605)
Số cuối năm	8.103.734.814	16.433.156.154

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	329.996.485	71.841.814
Thuê nhà kho, mặt hồ	78.816.667	74.700.000
Chi phí sửa chữa	252.580.915	4.480.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	161.923.745	103.742.445
Cộng	823.317.812	254.764.259

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	911.515.560	603.365.171
Chi phí sửa chữa	672.315.585	1.299.201.681
Các chi phí trả trước dài hạn khác	58.019.366	142.020.549
Cộng	1.641.850.511	2.044.587.401

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	203.799.442.389	91.018.897.812	22.723.128.562	1.222.668.807	318.764.137.570
Mua trong năm	165.899.777	1.641.639.091	818.180.454	-	2.625.719.322
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.278.497.956	-	-	-	5.278.497.956
Thanh lý, nhượng bán	(4.763.106.736)	(4.784.121.743)	(3.537.001.432)	-	(13.084.229.911)
Số cuối năm	204.480.733.386	87.876.415.160	20.004.307.584	1.222.668.807	313.584.124.937
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.400.490.664	51.992.506.237	12.408.556.597	772.640.690	97.574.194.188
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	125.865.747.015	76.418.269.905	18.674.146.316	1.009.775.729	221.967.938.965
Khấu hao trong năm	7.375.336.981	3.863.936.818	1.243.329.281	96.303.191	12.578.906.271
Thanh lý, nhượng bán	(4.227.204.903)	(4.735.610.577)	(3.016.663.607)	-	(11.979.479.087)
Số cuối năm	129.013.879.093	75.546.596.146	16.900.811.990	1.106.078.920	222.567.366.149
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	77.933.695.374	14.600.627.907	4.048.982.246	212.893.078	96.796.198.605
Số cuối năm	75.466.854.293	12.329.819.014	3.103.495.594	116.589.887	91.016.758.788
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.563.234.861 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết-thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	31.087.254.631	1.321.260.881	32.408.515.512
Mua trong năm	1.607.977.613	-	1.607.977.613
Số cuối năm	32.695.232.244	1.321.260.881	34.016.493.125
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	105.343.236	346.026.800	451.370.036
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.540.004.487	682.474.692	3.222.479.179
Khấu hao trong năm	913.088.634	165.940.895	1.079.029.529
Số cuối năm	3.453.093.121	848.415.587	4.301.508.708
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	28.547.250.144	638.786.189	29.186.036.333
Số cuối năm	29.242.139.123	472.845.294	29.714.984.417
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.736.932.121 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	6.404.000	2.419.754.067	(2.426.158.067)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.573.896.871	566.235.454.133	(5.278.497.956)	(148.940.440)	562.381.912.608
- <i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	-	560.837.269.996	-	(147.890.000)	560.689.379.996
- <i>Công trình lồng bè</i>	-	1.340.223.638	(1.340.223.638)	-	-
- <i>Khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu.</i>	229.453.856	-	-	-	229.453.856
- <i>Dự án số 02 Ngô Gia Tự, Hà Nội</i>	109.694.182	-	-	-	109.694.182
- <i>Công trình xây dựng Nhà máy Thủy sản tại Đầm Cù</i>	681.248.162	-	-	-	681.248.162
- <i>Công trình xây dựng đường vào Công ty</i>	185.135.950	2.211.014.001	(2.396.149.951)	-	-
- <i>Công trình xây dựng kho vật tư</i>	102.522.182	640.556.028	(743.078.210)	-	-
- <i>Hệ xe triển 6500 tấn vật cách</i>	265.842.539	-	-	-	265.842.539
- <i>Công trình khác</i>	-	1.206.390.470	(799.046.157)	(1.050.440)	406.293.873
Sửa chữa lớn tài sản cố định	23.103.050	286.105.000	-	(154.553.050)	154.655.000
Cộng	1.603.403.921	568.941.313.200	(7.704.656.023)	(155.603.490)	562.536.567.608

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Tiền mua cơ sở nhà đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tập đoàn đang làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.434.496.173	7.402.682.422
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(715.522.379)	31.813.751
Số cuối năm	6.718.973.794	7.434.496.173

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (thuế suất năm trước là 22%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin An Phát	-	2.384.167.500
LG International PTE	-	4.401.024.935
ITOCHU Corporation	-	3.963.072.960
Công ty TNHH MTV Mê Kông Ánh Dương	1.191.485.400	821.166.955
Doanh nghiệp tư nhân Thanh An	3.279.937.375	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Quốc tế Thương Hải	1.707.425.161	-
Ông Trần Văn Trung	2.030.285.000	-
Công ty TNHH Máy xây dựng và Thương mại Việt Nhật	4.950.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	10.307.239.954	8.540.128.625
Cộng	23.466.372.890	20.109.560.975

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Ông Hoàng Tứ	-	1.680.374.700
Công ty TNHH Công nghiệp Thương mại Thái Sơn	-	4.199.967.000
Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà	4.712.053.819	2.928.853.819
Ông Nguyễn Văn Lòng	11.369.901.750	-
Primex International Trading Corporation	-	1.434.438.720
Các khách hàng khác	6.094.137.664	2.540.745.664
Cộng	22.176.093.233	12.784.379.903

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	317.419.139	94.329.079	2.889.749.253	(2.721.650.288)	391.189.025	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	30.276.633.267	(30.276.633.267)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.140.341.000	9.446.391.656	13.302.594.864	(2.674.166.111)	2.322.378.097	-
Thuế thu nhập cá nhân (**)	184.691.492	16.391.160	3.375.457.765	(2.287.760.163)	1.277.478.245	21.480.311
Tiền thuê đất	12.272.010.189	-	12.099.412.899	(11.552.123.299)	12.819.299.789	-
Thuế nhà đất	-	-	50.317.497	(30.356.257)	19.961.240	-
Thuế tài nguyên	1.875.860	-	45.360.188	(43.228.512)	4.007.536	-
Các loại thuế khác	1.498.707.732	-	282.524.617	(235.746.182)	1.545.486.167	-
Cộng	15.415.045.412	9.557.111.895	62.322.050.350	(49.821.664.079)	18.379.800.099	21.480.311

(*) Trong đó:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.039.028.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn	9.263.566.597
Cộng	13.302.594.864

(**) Trong đó

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp năm nay	3.456.407.969
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa các năm trước	(80.950.204)
Cộng	3.375.457.765

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán cá tầm	Không chịu thuế
- Đóng tàu cá	Không chịu thuế
- Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm tôm tiêu thụ nội địa	Không phải kê khai, tính thuế
- Hàng xuất khẩu	0%
- Đóng tàu sông	10%
- Bán dầu nhờn trong nước	10%
- Cho thuê địa điểm	10%
- Hàng hóa tiêu thụ nội địa và dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các công ty còn lại trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.856.203.208	1.589.860.984
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	182.825.059	356.205.629
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>4.039.028.267</u>	<u>1.946.066.613</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000614 ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tập đoàn được miễn tiền thuê đất trong 11 năm đối với diện tích mặt nước thuê để nuôi cá tầm thương phẩm và diện tích đất thuê để sử dụng vào mục đích khác.

Tiền thuê đất khác được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động
Tiền lương phải trả.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Tiền thuê đất	24.799.714.897	24.280.347.217
Chi phí lãi vay phải trả	10.345.477.487	1.607.003.728
Chi phí đóng tàu	314.087.309	2.609.370.400
Chi phí người đại diện vốn	144.509.615	128.528.846
Chi phí tư vấn và hoa hồng	239.402.497	231.538.338
Chi phí dự án tôm sinh thái	-	304.260.970
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	270.267.057	640.457.916
Cộng	<u>36.113.458.862</u>	<u>29.801.507.415</u>

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền trả trước về cho thuê mặt bằng, kho chứa hàng.

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	135.530.110	306.291.731
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	84.821.348	100.780.922
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước - Phải trả vốn kinh doanh	-	61.682.188.540
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	71.394.789	71.394.789
Tiền thuế thu nhập cá nhân hoàn trả người lao động	-	110.957.200
Tiền lương giai đoạn cổ phần chưa chi	-	4.396.858.180
Phải trả về cổ phần hóa	167.676.467	167.676.467
Cổ tức phải trả	2.818.497.316	2.325.559.916
Công ty Cổ phần KCC Thăng Long - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng	-	400.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hà Đô - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng	800.000.000	1.750.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Tin học Ngọc Vĩnh - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng	612.480.000	1.139.519.000
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	2.475.500.000	871.800.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.286.288.604	4.588.500.585
Cộng	<u>10.452.188.634</u>	<u>77.911.527.330</u>

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Miền Trung - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	14.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15.900.429.000	8.086.403.000
Cộng	<u>15.900.429.000</u>	<u>8.100.403.000</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	146.556.715.000	97.241.503.687
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công ⁽ⁱ⁾	9.273.495.000	24.784.073.784
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾	2.300.000.000	25.518.739.903
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	58.127.250.000	42.429.690.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Cà Mau ^(iv)	29.975.425.000	4.509.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(v)	36.600.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(vi)	9.482.720.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(vii)	797.825.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	280.000.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 ^(viii)	280.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	245.662.000
Cộng	<u>426.556.715.000</u>	<u>97.532.165.687</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thành Công để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất điều chỉnh hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến thủy sản với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.10 và V.11).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh chế biến, xuất khẩu tôm đông lạnh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10) hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu bình quân với giá trị là 88 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để nộp tiền sử dụng khu đất số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn vay 11 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1 và V.2).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến tôm xuất khẩu với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu với giá trị là 50 tỷ VND.
- (vii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (viii) Vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng khu đất số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số cổ phần tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (xem thuyết minh số V.2)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	97.241.503.687	1.015.188.722.834	885.243.000	(966.758.754.521)	146.556.715.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	45.000.000	280.000.000.000	-	(45.000.000)	280.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	400.000.000	-	(400.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	245.662.000	-	-	(245.662.000)	-
Cộng	97.532.165.687	1.295.588.722.834	885.243.000	(967.449.416.521)	426.556.715.000

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản	598.714.856	-	-	(26.375.004)	572.339.852
Quỹ khen thưởng	342.184.066	2.131.813.783	(598.431.241)	-	1.875.566.608
Quỹ phúc lợi	135.883.109	799.321.031	(846.611.147)	-	88.592.993
Cộng	1.076.782.031	2.931.134.814	(1.445.042.388)	(26.375.004)	2.536.499.453

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết-thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	792.280.000.000	792.280.000.000
Các cổ đông khác	457.720.000.000	457.720.000.000
Cộng	<u>1.250.000.000.000</u>	<u>1.250.000.000.000</u>

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	125.000.000	125.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	125.000.000	125.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.500	5.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500	5.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.990.500	124.995.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	124.990.500	124.995.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tập đoàn. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính. Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định. Tập đoàn tiến hành đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Tình hình biến động chênh lệch đánh giá lại tài sản được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

24. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**25a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.063.087.286	3.712.198.387
Trên 01 năm đến 05 năm	11.216.085.462	13.937.928.916
Trên 05 năm	61.176.464.371	61.029.136.851
Cộng	<u>75.455.637.119</u>	<u>78.679.264.154</u>

Tập đoàn thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2003 đến năm 2063 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25b. Tài sản nhận giữ hộ**

	Số lượng	Đơn vị tính	Chất lượng
<i>Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác</i>			
+ Tôm đỏ Argentina nhập khẩu còn vỏ đông lạnh	5.400,00	Kg	Đạt chất lượng tốt
+ Tôm hồng nguyên con	40.000,00	Kg	Đạt chất lượng tốt
+ Cá Minh Thái nguyên con đông lạnh	24.150,00	Kg	Đạt chất lượng tốt
+ Mực ống Toyama	1.944,00	Kg	Đạt chất lượng tốt
+ Giấm	12,60	Kg	Đạt chất lượng tốt
+ Mirin	223,30	Kg	Đạt chất lượng tốt
+ Sake	233,30	Kg	Đạt chất lượng tốt
+ Nước tương	279,50	Kg	Đạt chất lượng tốt
+ Tảo biển	20,60	Kg	Đạt chất lượng tốt
+ Màng co	647,20	Kg	Đạt chất lượng tốt

25c. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 795.325,61 USD (số đầu năm là 816.301,02 USD).

25d. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tân Việt		47.914.627		47.914.627	Quá hạn thanh toán
Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận		41.000.000		41.000.000	Quá hạn thanh toán
Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà		187.452.000		-	Quá hạn thanh toán
Công ty TNHH Thương mại Hải Hoà Phát		610.830.342		-	Quá hạn thanh toán
Hải quan TP. Hồ Chí Minh		6.231.565		6.231.565	Quá hạn thanh toán
Cộng		893.428.534		95.146.192	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	437.340.437.189	514.765.382.745
Doanh thu bán thành phẩm	994.861.469.006	850.871.936.292
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.778.067.955	57.229.917.858
Cộng	1.512.979.974.150	1.422.867.236.895

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	2.309.832.650
Giảm giá hàng bán	138.089.673	23.849.200
Cộng	138.089.673	2.333.681.850

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	420.214.523.357	507.991.544.216
Giá vốn của thành phẩm đã bán	948.395.290.279	772.198.692.645
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	34.565.863.336	22.427.592.963
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.329.421.340)	(6.088.454.605)
Cộng	<u>1.394.846.255.632</u>	<u>1.296.529.375.219</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.200.668.185	16.783.804.923
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	207.509.642	74.911.166
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.669.684.400	3.176.618.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.441.053.373	3.813.611.207
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	25.729.445	-
Lãi bán hàng trả chậm	363.334.524	2.895.745.060
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	-	736.158.157
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	1.595.652.807
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	10.929.645
Cộng	<u>23.907.979.569</u>	<u>29.087.431.065</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.997.762.168	6.996.379.467
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.748.438.477	6.544.697.591
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	843.490.192	366.557.530
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(4.868.184.749)	10.728.389.426
Lỗ thoái vốn tại công ty con	-	2.019.087.802
Chi phí tài chính khác	85.828.398	374.792.549
Cộng	<u>15.807.334.486</u>	<u>27.029.904.365</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.516.191.501	8.403.885.732
Chi phí vật liệu, bao bì	320.496.626	471.844.003
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	217.943.978	204.720.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	740.038.274	771.347.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.110.319.988	14.430.664.075
Các chi phí khác	9.027.328.177	14.609.515.625
Cộng	<u>42.932.318.544</u>	<u>38.891.976.946</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	29.780.991.704	32.122.636.303
Chi phí vật liệu quản lý	655.611.848	2.552.935.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.263.284.235	2.877.884.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.889.985.920	3.702.905.995
Thuế, phí và lệ phí	9.546.446.952	10.542.831.258
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	6.728.203.982	3.396.801.610
Xử lý công nợ tồn lâu	798.282.342	95.840.919
Chi phí thuê văn phòng	907.804.368	747.543.276
Chi phí tiền điện	440.870.675	319.628.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.843.091.372	6.050.297.975
Các chi phí khác	12.874.203.806	8.383.415.326
Cộng	<u>69.728.777.204</u>	<u>70.792.720.981</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	641.466.085	191.763.963
Xử lý thừa kiểm kê	1.089.909.331	
Thu nhượng bán cải tạo sân phơi đầu vỏ tôm	-	72.727.273
Thu bán phế liệu	117.349.819	99.432.044
Thu nhập từ thù lao người đại diện vốn	1.253.799.474	1.145.042.422
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	135.000.000	50.047.396
Tài sản được biếu, tặng	-	64.977.916
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	-	597.645.652
Thu cho thuê	92.136.364	425.803.718
Thu phí vệ sinh, tiền điện	293.602.848	111.925.282
Thu khoán vương tôm	181.818.182	90.909.090
Thu nhập từ dịch vụ trọng xe	-	119.389.468
Các khoản thu nhập khác	344.180.410	247.084.268
Cộng	<u>4.149.262.513</u>	<u>3.216.748.492</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí người đại diện vốn	627.230.770	541.413.462
Thuế bị truy thu, bị phạt	12.518.839.147	34.872.743
Chi phí khấu hao đất không sử dụng	87.755.748	65.816.811
Xử lý thiếu kiểm kê	772.241.286	
Chi phí khác	198.195.752	31.098.150
Cộng	<u>14.204.262.703</u>	<u>673.201.166</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	302.046.099.387	62.778.811.778
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.051.007.903)	(3.184.176.022)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	299.995.091.484	59.594.635.756
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	124.990.405	124.990.405
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.400	477

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	934.314.174.983	883.098.513.256
Chi phí nhân công	97.153.174.105	92.738.031.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.631.560.796	18.313.551.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.738.879.141	50.100.559.508
Chi phí khác	39.291.604.973	31.593.825.441
Cộng	1.138.129.393.998	1.075.844.481.201

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn đã nộp tiền vào ngân sách Nhà nước phần lợi nhuận còn lại của giai đoạn trước cổ phần và phần chênh lệch giữa giá trị phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ là 61.383.103.392 VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có tiền lương với tổng tiền lương trong năm là 13.898.867.902 VND (năm trước là 2.028.000.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.20.

2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực nuôi trồng, thương mại ngành thủy sản.
- Lĩnh vực khác.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lĩnh vực nuôi trồng, thương mại ngành thủy sản	943.336.633.969	1.008.076.863.905
Các lĩnh vực khác	569.505.250.508	412.456.691.140
Cộng	<u>1.512.841.884.477</u>	<u>1.420.533.555.045</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	233.573.887.547	771.230.938.136
Trong nước	1.279.267.996.930	649.302.616.909
Cộng	1.512.841.884.477	1.420.533.555.045

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

3. Số liệu so sánh

Thay đổi giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết

Tháng 11 năm 2015 Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco tái cấu trúc vốn nên tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn tăng từ 17,47% lên 22,08% và trở thành công ty liên kết. Năm 2015 Tập đoàn chỉ ghi nhận “Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết” phát sinh tương ứng lợi nhuận sau thuế tháng 11 và tháng 12 của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco.

Năm nay Tập đoàn ghi nhận tăng thêm giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tương ứng tài sản thuần của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco tại thời điểm chuyển đổi thành công ty liên kết. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	141	781.775.464.567	95.749.161.778	877.524.626.345
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	123.151.196.178	95.749.161.778	218.900.357.956

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017


Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu


Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng


Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Điều chỉnh bổ sung lãi liên kết	Giá trị phần sở hữu đầu năm sau điều chỉnh	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức lợi nhuận được chia trong năm	Trích quỹ	Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	-	4.994.824.935	-	-	-	-	4.994.824.935
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	3.085.163.040	-	3.085.163.040	69.868.924	(130.050.000)	(79.995.976)	-	2.944.985.988
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	10.105.747.739	-	10.105.747.739	596.684.662	(554.400.000)	(220.780.614)	-	9.927.251.787
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	33.538.657.669	-	33.538.657.669	190.742.998	(2.081.040.000)	(190.378.590)	-	31.457.982.077
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	7.290.861.090	-	7.290.861.090	121.091.464	(234.200.000)	(107.154.782)	-	7.070.597.772
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	74.962.293.497	-	74.962.293.497	2.103.924.760	(2.608.200.000)	(1.922.087.673)	-	72.535.930.584
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	53.152.385.167	-	53.152.385.167	2.570.421.645	(3.494.030.400)	(243.843.266)	(1.592.229.636)	50.392.703.510
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	594.645.531.430	95.749.161.778	690.394.693.208	303.877.067.701	(30.052.749.880)	-	-	964.219.011.029
Cộng	781.775.464.567	95.749.161.778	877.524.626.345	309.529.802.154	(39.154.670.280)	(2.764.240.901)	(1.592.229.636)	1.143.543.287.682

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

[Signature]

Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu

[Signature]

Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



[Signature]
TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu


	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước (*)	1.250.000.000.000	167.068.599	-	3.496.938.397	18.466.141.983	52.395.879.004	158.349.802.139	1.482.875.830.122
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm nay	-	-	(50.500.000)	-	-	-	-	(50.500.000)
Thoái vốn công ty con trong năm nay	-	28.239.637	-	(8.250.000.000)	(6.048.993.795)	8.250.000.000	(58.031.634.160)	(64.052.388.318)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	62.778.811.778	10.208.078.270	72.986.890.048
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(1.829.700.000)	(1.829.700.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(761.678.772)	(688.157.752)	(1.449.836.524)
Xử lý lỗ do hợp tác với Công ty TNHH vận tải biển Tự Thành (Tàu Tự Thành 68)	-	-	-	-	(1.157.237.316)	-	-	(1.157.237.316)
Tặng/ Giám khác	-	-	-	(162.402.157)	-	488.184.168	228.373.543	554.155.554
Số dư cuối năm trước	1.250.000.000.000	195.308.236	(50.500.000)	(4.915.463.760)	11.259.910.872	123.151.196.178	108.236.762.040	1.487.877.213.566
Số dư đầu năm nay	1.250.000.000.000	195.308.236	(50.500.000)	(4.915.463.760)	11.259.910.872	123.151.196.178	108.236.762.040	1.487.877.213.566
Điều chỉnh do thay đổi chính sách kế toán	-	-	-	-	-	95.749.161.778	-	95.749.161.778
Số dư đầu năm nay được trình bày lại trong năm nay	1.250.000.000.000	195.308.236	(50.500.000)	(4.915.463.760)	11.259.910.872	218.900.357.956	108.236.762.040	1.583.626.375.344
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm nay	-	-	(45.450.000)	-	-	-	-	(45.450.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	302.046.099.387	6.109.330.111	308.155.429.498
Điều chỉnh lợi nhuận năm trước hoạt động liên kết	-	-	-	-	-	(674.510.124)	674.510.124	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(7.198.974.672)	(7.198.974.672)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	1.762.594.551	(3.476.130.157)	(1.217.599.209)	(2.931.134.815)
Điều chỉnh giảm lãi liên kết do trích quỹ	-	-	-	-	-	(4.356.470.537)	-	(4.356.470.537)
Chi thù lao	-	-	-	-	-	(253.466.944)	(216.982.780)	(470.449.724)
Giảm khác	-	-	-	-	-	4.517.172	-	4.517.172
Số dư cuối năm nay	1.250.000.000.000	195.308.236	(95.950.000)	(4.915.463.760)	13.022.505.423	512.190.396.753	106.387.045.614	1.876.783.842.266

(*) Số dư đầu năm trước là số nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang tại ngày 17 tháng 4 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017



Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu



Bàì Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

